

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 03 năm 2021
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Yên
2. Ông Nguyễn Văn Đàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 18/02/2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXX-ST ngày 08/01/2021 giữa;

Nguyên đơn: Anh Cao Tuấn A ; Sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ G , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trương Thị S ; Sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ĐG, xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự trình bày:

Anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S đều trình bày thống nhất: Về hôn nhân anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau năm 1992, có tổ chức theo phong tục tập quán nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc đến năm 2013. Anh chị mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2013. Nguyên nhân chính do anh Tuấn A có ham chơi nên thua lỗ và thường đi làm xa không thường xuyên quan

tâm chia sẻ với chị S nên tình cảm giữa anh chị rạn nứt. Từ năm 2014 thì anh chị ly thân đến nay. Anh Tuấn A và chị S đều không còn tình cảm với nhau và anh Cao Tuấn A có nguyện vọng ly hôn với chị Sáu, chị S tự nguyện đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Cao Thị T sinh ngày 20/6/1994 và cháu Cao Đình T sinh ngày 23/8/2010. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng, cháu T đã trưởng thành. Khi ly hôn anh Tuấn A tự nguyện để chị S nuôi dưỡng con chung anh Cao Tuấn A không cấp dưỡng (vì anh để lại toàn bộ tài sản cho chị S và các con).

Về tài sản: Anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2021 cháu Cao Đình T có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 09/3/2021 các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt, lý do bận không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ giữa anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S là vợ chồng. Giao cho chị Trương Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Đình T sinh ngày 23/8/2010 cho đến khi thành niên. Anh Cao Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Tuấn A phải chịu án phí theo quy định là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S đã nhận quyết định đưa vụ án tra xét xử và có đơn xin xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2.] *Về hôn nhân*: Anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Nhưng không đi đăng ký kết hôn nên cuộc sống chung của anh chị không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] *Tình trạng cuộc sống chung*: Mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay cả hai anh chị cùng muốn chấm dứt cuộc sống chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa anh Cao Tuấn A chị Trương Thị S là vợ chồng

[4]. *Về con chung*. Anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S có hai con chung. Cháu Cao Thị T đã thành niên, cháu Cao Đình T có nguyện vọng ở với mẹ, anh chị tự nguyện thỏa thuận để chị S nuôi dưỡng cháu T khi ly hôn là phù hợp. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[5]. *Về án phí*: Anh Cao Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Cao Tuấn A . Không công nhận quan hệ giữa anh Cao Tuấn A và chị Trương Thị S là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cháu Cao Đình T , sinh ngày 23/8/2010 cho chị Trương Thị S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Cao Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Cao Tuấn A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. *Về án phí*: Anh Cao Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0007501 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm vắng mặt các đương, Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn,
-
- Lưu

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên